

# ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH TẬP LUYỆN NGOẠI KHÓA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH CHO HỌC SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH BÌNH ĐỊNH

EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF THE EXTRACURRICULAR TRAINING PROGRAM OF BINH DINH TRADITIONAL MARTIAL ARTS FOR GRADE 10 HIGH SCHOOL STUDENTS IN THE MOUNTAINOUS DISTRICTS, BINH DINH PROVINCE

ThS. Bùi Trọng Duy  
Trường Đại học Quy Nhơn

**Tóm tắt:** Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, đề tài đã xác định được 3 nhóm tiêu chuẩn: Đáp ứng mục tiêu thể dục thể thao trường học (4 tiêu chuẩn); Đáp ứng mục tiêu yêu cầu cần đạt (1 tiêu chuẩn) và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu cá nhân (5 tiêu chuẩn) làm thước đo đánh giá hiệu quả chương trình. Kết quả kiểm tra theo 10 tiêu chuẩn sau một năm đã cho thấy hiệu quả cao của chương trình tập luyện ngoại khóa môn Võ cổ truyền Bình Định cho học sinh lớp 10 Trung học Phổ thông các huyện miền núi tỉnh Bình Định.

**Từ khóa:** Hiệu quả, chương trình, ngoại khóa, Võ cổ truyền, học sinh, lớp 10.

**Abstract:** Through conventional scientific research methods, the study has identified three standard groups: Meeting the objectives of physical education and sports in schools (4 standards); Meeting the requirements of necessary achievements (1 standard); and assessing the level of meeting individual needs (5 standards) as a measure of program effectiveness evaluation. The results of the assessment based on 10 standards after one year have shown the high effectiveness of the extracurricular training program in the traditional martial art of Binh Dinh for 10<sup>th</sup>-grade students in mountainous districts of Binh Dinh province.

**Keywords:** effectiveness, program, extracurricular, traditional martial art, students, 10<sup>th</sup> grade, mountainous region, Binh Dinh.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá chương trình môn học là một khâu quan trọng, không thể thiếu trong quá trình xây dựng chương trình. Việc đánh giá phải được quan tâm thực hiện ngay từ đầu, và được đánh giá qua từng khâu, từng bước trong quá trình xây dựng chương trình môn học như: mục tiêu học tập, nội dung, kiến thức, phương pháp dạy học, tài liệu tham khảo và kết quả đánh giá học tập môn học. Để đảm bảo kết quả đánh giá khách quan chương trình môn học, cần có bộ công cụ thống nhất, đảm bảo mục tiêu đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo, đảm bảo hiệu quả hiệu suất đào tạo.

Xuất phát từ thực tiễn đó, luận án tiến hành nghiên cứu, đánh giá hiệu quả chương trình tập luyện ngoại khóa VCT BD cho học sinh lớp 10

trường THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định.

## Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn; Quan sát sư phạm; Kiểm tra sư phạm; Thực nghiệm sư phạm và Toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**2.1. Xác định các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Võ cổ truyền Bình Định cho học sinh lớp 10 huyện miền núi tỉnh Bình Định**

Để lựa chọn được tiêu chuẩn phù hợp làm công cụ, thước đo đánh giá hiệu quả chương trình tập luyện ngoại khóa môn VCT BD cho học sinh THPT các huyện miền núi tỉnh Bình

## Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Định. Đề tài tiến hành khảo sát và phỏng vấn chuyên gia, HLV, giáo viên và đã lựa chọn được 10/10 tiêu chuẩn đạt tổng điểm tối đa

**Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả chương trình tập luyện ngoại khóa môn Võ cổ truyền Bình Định cho học sinh Trung học phổ thông các huyện miền núi tỉnh Bình Định (n=35)**

TT	Nội dung	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Tổng điểm	%
		m <sub>i</sub>	Điểm	m <sub>i</sub>	Điểm	m <sub>i</sub>	Điểm		
<b>Tiêu chuẩn đáp ứng mục tiêu TDTT trường học</b>									
1	Mức độ phát triển thể lực	27	81	8	16	0	0	97	92.38
2	Hiệu quả giáo dục đạo đức	29	87	6	12	0	0	99	94.29
3	Phát triển phong trào TDTT ngoại khóa	32	96	3	6	0	0	102	97.14
4	Phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao	30	90	5	10	0	0	100	95.24
<b>Tiêu chuẩn đáp ứng mục tiêu yêu cầu cần đạt</b>									
1	Thực hiện được các nội dung kiểm tra, đánh giá trong chương trình.	35	105	0	0	0	0	105	100
<b>Tiêu chuẩn đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu cá nhân</b>									
1	Thỏa mãn nhu cầu vận động	35	105	0	0	0	0	105	100
2	Phát huy truyền thống gia đình, quê hương	35	105	0	0	0	0	105	100
3	Thể hiện sự tự tin	35	105	0	0	0	0	105	100
4	Mở rộng mối quan hệ giao lưu với bạn bè	32	96	3	6	0	0	102	97.14
5	Được giáo dục về đạo đức, tinh thần thượng võ, tôn trọng đạo	33	99	2	4	0	0	103	98.10

### 2.2. Đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Võ cổ truyền Bình Định cho học sinh lớp 10 các huyện miền núi tỉnh Bình Định

#### 2.2.1. Thời điểm trước thực nghiệm

Ở thời điểm trước khi tiến hành thực nghiệm, luận án tiến hành kiểm tra 2 tiêu chuẩn về thực trạng thể lực và hiệu quả giáo dục đạo đức, các tiêu chuẩn còn lại sẽ được tiến hành kiểm tra đánh giá sau khi kết thúc thực nghiệm.

**\* Thực trạng thể lực của nhóm thực nghiệm và đối chứng.**

Kết quả bảng 2 cho thấy: Ở thời điểm trước thực nghiệm, ở cả đối tượng học sinh nam và nữ ở tất cả các chỉ tiêu kiểm tra ở cả 2 nhóm đều có hệ số Cv < 10% và kết quả kiểm tra đều không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi so sánh kết quả kiểm tra mức độ phát triển thể lực của nhóm thực nghiệm, nhóm đối chứng (P>0.05), chứng tỏ sự phân nhóm của luận án hoàn toàn khách quan, học sinh các nhóm không có sự khác biệt về thể lực ở thời điểm trước thực nghiệm.

**Bảng 2. Kết quả kiểm tra thể lực học sinh lớp 10 của nhóm đối chứng và thực nghiệm ở thời điểm trước thực nghiệm (n=184)**

TT	Test	Nhóm thực nghiệm ( $\bar{x} \pm \sigma$ )	Cv	Nhóm đối chứng ( $\bar{x} \pm \sigma$ )	Cv	T	P
<b>Học sinh nam (n=96)</b>		<b>n=48</b>		<b>n=48</b>			
1	Bật xa tại chỗ (cm)	197.96±10.3	5.2	200.96±8.57	4.26	1.55	>0.05
2	Chạy tùy sức 5 phút (m)	974.38±87.42	8.97	996.69±88.9	8.92	1.24	>0.05
3	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	14.12±1.26	8.92	14.32±1.36	9.47	0.77	>0.05
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15.73±1.03	6.52	15.46±0.97	6.25	1.33	>0.05
<b>Học sinh nữ (n=88)</b>		<b>n=44</b>		<b>n=44</b>			
1	Bật xa tại chỗ (cm)	143.93±13.32	9.26	147.23±7.3	4.96	1.44	>0.05
2	Chạy tùy sức 5 phút (m)	807±63	8	814±77	9	0.47	>0.05
3	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	14.61±1.12	7.68	14.48±0.95	6.56	0.61	>0.05
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	13.52±1.23	9.09	13.73±1.13	8.22	0.81	>0.05

**\* Thực trạng kết quả giáo dục đạo đức.**

Qua bảng 3 cho thấy: Hạnh kiểm của học sinh THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định đều xếp loại tốt và khá, chiếm trên 80% tổng số học sinh; tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình chiếm tỉ lệ nhỏ (11.96% và 10.87%), không có học sinh xếp loại hạnh kiểm loại yếu.

Khi so sánh mức độ xếp loại hạnh kiểm của học sinh nhóm đối chứng và thực nghiệm bằng tham số khi bình phương cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $P > 0.05$ ). Nói cách khác, sự phân nhóm là khách quan và đủ điều kiện làm mẫu để tiến hành thực nghiệm.

**Bảng 3. So sánh hạnh kiểm năm học 2018 – 2019 của học sinh các nhóm đối chứng và thực nghiệm ở giai đoạn trước thực nghiệm (n = 184)**

Phân loại	Nhóm thực nghiệm (n=92)		Nhóm đối chứng (n=92)		So sánh	
	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	$\chi^2$	P
Tốt	41	44,57	43	46,74	0.348	>0.05
Khá	40	43,48	39	42,39		
Trung bình	11	11,96	10	10,87		
Yếu	0	0,00	0	0,00		

**2.2.2. Thời điểm sau thực nghiệm**

Sau 1 năm học (35 tuần) triển khai thực hiện thực nghiệm chương trình ngoại khóa môn VCTBD (nội dung chương trình và tổ chức thực nghiệm được trình bày chi tiết trong mục phương pháp nghiên cứu), luận án tiến hành kiểm tra đánh giá hiệu quả chương trình

thông qua 3 nhóm tiêu chuẩn đã được lựa chọn. Kết quả cụ thể như sau:

**\* Kết quả đáp ứng mục tiêu TĐTT trường học**

Đánh giá mức độ tác động đến thể lực của học sinh, đề tài tiến hành so sánh mức độ phát triển thể lực của nhóm đối chứng và

**Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học**

nhóm thực nghiệm bằng 4 tiêu chí đã lựa chọn. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả kiểm tra mức độ phát triển thể lực của học sinh khối 10 các nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm (n=174)**

TT	Test	Nhóm thực nghiệm ( $\bar{x} \pm \sigma$ )	Nhóm đối chứng ( $\bar{x} \pm \sigma$ )	T	P
<b>Học sinh nam (n=90)</b>		<b>n=47</b>	<b>n=43</b>		
1	Bật xa tại chỗ (cm)	207.04±7.04	203.37±10.02	2.04	<0.05
2	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1052.24±77.12	1013.42±77.75	2.42	<0.05
3	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.00±1.18	13.45±0.74	2.17	<0.05
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	17.63±1.54	16.89±1.70	2.18	<0.05
<b>Học sinh nữ (n=84)</b>		<b>n=44</b>	<b>n=40</b>		
1	Bật xa tại chỗ (cm)	156.30±7.17	150.60±11.98	2.64	<0.05
2	Chạy tùy sức 5 phút (m)	905.48±82.33	865.76±99.24	2.00	<0.05
3	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.31±0.96	14.01±1.03	3.27	<0.05
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15.02±1.28	14.36±1.58	2.09	<0.05

Qua bảng 4 cho thấy: Sau 1 năm học thực nghiệm, kết quả kiểm tra mức độ phát triển thể lực của học sinh cho thấy nhóm thực nghiệm với nhóm đối chứng đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $P < 0.05$ ). Điều này chứng tỏ chương trình tập luyện ngoại khóa môn VCT BD cho học sinh lớp 10 đã có hiệu quả cao trong việc phát triển thể lực cho học sinh.

Sau 1 năm học thực nghiệm, nhóm thực nghiệm có tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm

tốt - khá đạt trên 90%, không có học sinh nào đạt loại yếu kém, số học sinh đạt loại trung bình chỉ còn dưới 5%. Ở nhóm đối chứng thì tỉ lệ học sinh đạt hạnh kiểm trung bình ở các khối tuy có giảm nhưng ít, tỷ lệ học sinh trung bình là 13.25%. Sử dụng khi bình phương để so sánh cho thấy, tỷ lệ của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $P < 0.05$ ). Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 5.

**Bảng 5. So sánh hạnh kiểm năm học 2019-2020 của học sinh các nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau 1 năm học thực nghiệm (n=174)**

Phân loại	Nhóm thực nghiệm (n=91)		Nhóm đối chứng (n=83)		So sánh	
	$m_i$	%	$m_i$	%	$\chi^2$	P
Tốt	59	64.84	48	57.83	8.914	<0.05
Khá	29	31.87	24	28.92		
Trung bình	3	3.30	11	13.25		
Yếu	0	0.00	0	0.00		

Để đánh giá mức độ phát triển phong trào TDTT ngoại khóa của học sinh, đề tài đã sử dụng số lượng học sinh duy trì tham gia tập

luyện thường xuyên của nhóm thực nghiệm và đối chứng. Kết quả trình bày tại bảng 6.

**Bảng 6. Số lượng học sinh tham gia tập luyện thường xuyên của nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm**

Đối tượng	Số học sinh tập luyện thường xuyên			
	Trước TN	Sau TN	Mức giảm (số học sinh nghỉ tập)	Tỷ lệ giảm (%)
Nhóm thực nghiệm	92	91	1	1,09
Nhóm đối chứng	92	83	9	9,78
<b>Tổng</b>	<b>184</b>	<b>174</b>	<b>10</b>	<b>10,87</b>

Qua bảng 6 cho thấy: Sau 1 năm học thực nghiệm, số lượng học sinh nghỉ tập ở nhóm đối chứng cao hơn nhóm thực nghiệm với tỷ lệ 9.78%, điều đó cho thấy sự hấp dẫn, tính, hiệu quả của chương trình mới đối học sinh nhóm thực nghiệm.

**Bảng 7. Kết quả phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau 1 năm học thực nghiệm**

Đối tượng	Số học sinh tham gia thi đấu các giải đấu trong huyện			Số học sinh được gọi vào đội tuyển huyện và tỉnh		
	Trước TN	Sau TN	Tỷ lệ tăng (%)	Trước TN	Sau TN	Tỷ lệ tăng (%)
Nhóm thực nghiệm (n=91)	0	8	8,79	0	2	2,20
Nhóm đối chứng (n=83)	0	5	6,02	0	0	0,00

Kết quả được trình bày tại bảng 7 cho thấy: Trong quá trình tập luyện ngoại khóa môn VCT BD số lượng học sinh được tham dự các giải thi đấu VCT do huyện và tỉnh tổ chức tăng lên đáng kể (đối với nhóm thực nghiệm tăng 8.79%, nhóm đối chứng tăng 6.02%), số học sinh tham gia đội tuyển ở nhóm thực nghiệm là 2 em chiếm 2.20%. Như vậy có thể nhận thấy, sau khi áp dụng chương trình ngoại khóa môn VCT BD cho học sinh THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định đã có hiệu quả trong

việc phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao của môn VCT BD.

**\* Đánh giá hiệu quả về mức độ đáp ứng mục tiêu yêu cầu cần đạt.**

Sau 1 năm học thực nghiệm, đề tài tiến hành tổng hợp và đánh giá hiệu quả quá trình tập luyện chuyên môn của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng thông qua các test chuyên môn được qui định trong nội dung kiểm tra đánh giá của chương trình. Kết quả được trình bày tại bảng 8.

**Bảng 8. Kết quả kiểm tra các test chuyên môn giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau 1 năm học thực nghiệm (n=174)**

TT	Kỹ thuật	Nhóm thực nghiệm (n=91)		Nhóm đối chứng (n=83)		t	P
		$(\bar{x} \pm \sigma)$	$(\bar{x} \pm \sigma)$	$(\bar{x} \pm \sigma)$	$(\bar{x} \pm \sigma)$		
1	Thôi sơn 30s (lần)	50.45	2.44	45.26	3.84	15.32	<0.05
2	Đặng sơn 30s (lần)	46.01	3.13	41.83	3.16	11.92	<0.05
3	Kim tiêu cước 30s (lần)	43.49	3.56	40.53	2.54	8.27	<0.05
4	Đào sơn cước 30s (lần)	40.07	2.58	36.84	2.79	10.88	<0.05

Qua bảng 8 cho thấy: Đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở cả 4 test chuyên môn giữa 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng (P < 0.05). Qua kiểm chứng theo bảng phân loại do đề tài

xây dựng cho thấy: nhóm thực nghiệm có trình độ thể lực và kỹ thuật chuyên môn tốt hơn nhóm đối chứng, các test kiểm tra của nhóm

## Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

thực nghiệm đều xếp ở loại khá còn nhóm đối chứng đều ở loại trung bình.

**\* Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu cá nhân.**

Đối tượng được luận án phỏng vấn bao gồm:

174 học sinh lớp 10 của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Đề tài sử dụng thang đo likert 5 mức độ: Mức 1: Rất đồng ý (5 điểm); Mức 2: Đồng ý (4 điểm); Mức 3: Trung bình (3 điểm); Mức 4: Không đồng ý (2 điểm); Mức 5: Rất không đồng ý (1 điểm). Kết quả được trình bày tại bảng 9.

**Bảng 9. Kết quả khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu cá nhân**

TT	Nội dung	Nhóm đối chứng (n=83)			Nhóm thực nghiệm (n=91)			t
		Min	Max	Điểm TB	Min	Max	Điểm TB	
1	Thỏa mãn nhu cầu vận động	2	5	4.23	3	5	4.57	3.45
2	Phát huy truyền thống gia đình, quê hương	2	5	4.27	3	5	4.45	4.30
3	Thể hiện sự tự tin	2	5	3.67	3	5	4.09	3.70
4	Mở rộng mối quan hệ giao lưu với bạn bè	1	5	3.73	2	5	4.15	2.70
5	Được giáo dục về đạo đức, tinh thần thượng võ, tôn trọng đạo	1	5	3.25	2	5	4.23	6.80
6	Ý kiến khác	1	5	2.89	1	3	2.65	2.55

Qua bảng 9 cho thấy: Kết quả phỏng vấn học sinh ở nhóm thực nghiệm có đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu cá nhân cao hơn nhóm đối chứng và không có ý kiến khác. Như vậy chương trình tập luyện ngoại khóa môn VCTBD do đề tài xây dựng cho học sinh lớp 10 các huyện miền núi tỉnh Bình Định đã đáp ứng thỏa mãn nhu cầu của cá nhân cao hơn so với chương trình hiện hành.

**\* Đánh giá mức độ phù hợp của chương trình.**

Kết quả nhận xét đánh giá của HLV, GV tham gia giảng dạy chương trình mới cao hơn so nhóm HLV, GV giảng dạy chương trình hiện hành. Nói cách khác chương trình đề tài đề xuất là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo tính khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu học sinh, không cần có sự điều chỉnh.

**Bảng 10. Kết quả khảo sát đánh giá chương trình của huấn luyện viên, giáo viên giảng dạy**

TT	Nội dung	Chương trình hiện hành (n=6)			Chương trình mới (n=12)			t
		Min	Max	Điểm TB	Min	Max	Điểm TB	
1	Phù hợp với mục tiêu chương trình	1	5	3.25	2	5	4.15	2.64
2	Thứ tự sắp xếp chương trình	1	5	3.01	2	5	4.09	2.82
3	Phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương	2	5	3.67	2	5	4.03	3.78
4	Phù hợp với nhu cầu tập luyện ngoại khóa của học sinh	2	5	3.55	2	5	4.1	2.81
5	Có cần điều chỉnh gì hay không	2	5	3.73	1	3	2.18	2.71
6	Ý kiến khác	1	5	3.43	1	3	2.24	2.60

### **3. KẾT LUẬN**

- Xác định được 3 nhóm tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả chương trình tập luyện ngoại khóa Võ cổ truyền Bình Định cho học sinh lớp 10 Trung học Phổ thông các huyện miền núi tỉnh Bình Định: Nhóm tiêu chuẩn đáp ứng TDTT trường học (4 tiêu chuẩn); nhóm tiêu chuẩn đáp ứng mục tiêu yêu cầu cần đạt (1 tiêu chuẩn); nhóm

tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu cá nhân (5 tiêu chuẩn).

- Chương trình tập luyện ngoại khóa VCT BD cho học sinh lớp 10 Trung học Phổ thông các huyện miền núi tỉnh Bình Định mà luận án xây dựng đã mang lại hiệu quả cao, đáp ứng các tiêu chuẩn về mục tiêu TDTT trường học, mục tiêu yêu cầu cần đạt cũng như đáp ứng nhu cầu của học sinh.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về kiểm tra đánh giá thể lực HSSV ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Quy chế đánh giá xếp loại HS THCS, THPT ban hành theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011.*

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *công văn 4775/BGDĐT-CTHSSV ngày 16/09/2015/v triển khai, tổ chức thực hiện bài tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, bài võ cổ truyền trong các trường phổ thông.*

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Đề án Bảo tồn và phát triển Võ cổ truyền Việt Nam đến năm 2020*, ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 01 năm 2014.

5. UBND tỉnh Bình Định (2016), *Quyết định số 3818/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án Bảo tồn và Phát huy Võ cổ truyền Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.*

**Nguồn bài báo:** Bùi Trọng Duy (2023), Bài báo trích từ luận án: “*Xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Võ cổ truyền Bình Định cho học sinh trung học phổ thông các huyện miền núi tỉnh Bình Định*”.

Ngày nhận bài: 10/11/2023; Ngày đánh giá: 25/11/2023; Ngày duyệt đăng: 06/12/2023.